

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-PT
Ngày 16 tháng 4 năm 2018
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán:

Ông Thân Quốc Hùng

Ông Ong Thân Thắng

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2018/TLPT- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 88/2017/HNGĐ-ST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

-Bị đơn: chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1987 (có mặt)

ĐKTT: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

-Người kháng cáo: chị Nguyễn Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 26/10/2017 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Hoàng Văn Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L ngày 12/01/2009. Sau khi kết hôn, vợ

chồng về chung sống hòa thuận khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị X có cư xử hỗn láo với bố mẹ chồng, nhiều lần anh và gia đình khuyên bảo nhưng chị X không thay đổi. Đến tết 2016 vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã gay gắt, chị X có thái độ coi thường anh nên từ đó đến nay anh và chị X sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị X ly hôn.

Về con chung: vợ chồng anh có ba con là Hoàng Trung H, sinh ngày 12/10/2009; Hoàng Thị Bích N, sinh ngày 24/10/2010; Hoàng Trung H1 sinh ngày 20/10/2016. Vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giao cho anh nuôi cả ba con và không yêu cầu chị X đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo bị đơn chị Nguyễn Thị X trình bày: Chị xác nhận về quan hệ hôn nhân, điều kiện kết hôn đúng như anh Đ đã khai. Về mâu thuẫn, anh Đ khai vợ chồng mâu thuẫn xuất phát do chị cư xử hỗn láo với bố mẹ chồng, với chồng là không đúng mà nguyên nhân do anh Đ có tính ghen tuông, không tin tưởng vợ, nói chị có quan hệ bất chính với người khác giới, trong khi chị không có. Mâu thuẫn vợ chồng chị đã xảy ra nhiều năm, nhưng từ đầu năm 2016 đến nay thì trở nên gay gắt do những bất đồng trong tính cách, lối sống, anh Đ ham chơi, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau, không có trách nhiệm với nhau. Nay anh Đ kiên quyết ly hôn, chị không nhất trí ly hôn vì lý do cần duy trì hôn nhân để chăm lo cho các con.

Về con chung: Chị xác nhận có ba con chung như anh Đ khai, nếu Tòa án giải quyết ly hôn chị đề nghị được nuôi cả ba con, chị không đồng ý để anh Đ nuôi con. Nếu được nuôi cả ba con chị yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo mức 500.000 đồng/01 con/01 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị X không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn chị X; Về con chung anh đề nghị Tòa án xem xét giao cả ba con cho anh nuôi và không yêu cầu chị X đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh không nhất trí để chị X nuôi cả ba con, anh chỉ đồng ý cho chị X nuôi cháu H1. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung nếu chị X yêu cầu thì đề nghị Tòa án xem xét theo pháp luật.

Chị Nguyễn Thị X xác định vợ chồng mâu thuẫn gay gắt nhưng để lo cho các con, chị không nhất trí ly hôn. Về con chung chị yêu cầu được nuôi cả ba con. Chị đề nghị HĐXX xem xét tính một mức cấp dưỡng phù hợp để buộc anh Đ có trách nhiệm đóng góp nuôi con.

Với nội dung trên tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 88/2017/HNGĐ-ST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35; 39; 70; 71; 72; 147; 235; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; khoản 5

Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn Đ và chị Nguyễn Thị X ly hôn.

Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hoàng Trung H, sinh ngày 12/10/2009. Giao cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hoàng Thị Bích N, sinh ngày 24/10/2010 và Hoàng Trung H1, sinh ngày 20/10/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đối với cháu H được giao cho anh Đ nuôi, chị X không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Cháu N được giao cho chị X nuôi, anh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Hoàng Trung H1, buộc anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu H1 theo mức 1.000.000 đồng/01 tháng, thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng tính từ ngày 27/12/2017 cho đến ngày cháu H1 đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Đ, chị X đều có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

Án phí: anh Hoàng Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0004128 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Anh Đ còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 05/01/2018 chị X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cùng ngày chị X nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Chị X kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét bác yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đ vì anh Đ có quan hệ bất chính với người khác, về con chung đề nghị được nuôi cả ba con chung

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn anh Hoàng Văn Đ không rút đơn khởi kiện, bị đơn chị Nguyễn Thị X không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Chị Nguyễn Thị X trình bày: Chị kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm xử. Đề nghị bác đơn xin ly hôn của anh Đ vì anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng về đổ lỗi cho chị, chị không đồng ý ly hôn vì các con; về con chung nếu phải ly hôn chị đề nghị được nuôi ba con chung vì hiện nay hai cháu lớn ở với anh Đ học tập xa sút, anh Đ đi làm Bắc Ninh nhưng thi thoảng mới về nhà, không chăm sóc các con. Chị hiện nay làm ở Công ty may bao bì ở huyện L thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng, chị đi làm giờ hành chính có điều kiện chăm sóc các con, hiện tại chị đang ở nhờ nhà bố mẹ chị. Nếu được nuôi cả ba con chung chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 500.000 đồng/ tháng.

Anh Hoàng Văn Đ trình bày: Anh không đồng ý kháng cáo của chị X. Chị X trình bày không đúng. Anh không thể về chung sống với chị X vì mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2012. Hiện nay chị X về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 1/2018. Anh Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Hiện nay anh đang làm nghề cơ khí thu nhập khoảng 6.000.000 đồng /tháng. Cháu H, cháu N hiện đang ở với anh các cháu vẫn đi học bình thường, anh đi làm thì bố mẹ anh đưa đón các con đi học.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của chị X. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chị X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Nguyễn Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn gay gắt từ tết năm 2016, chị X có thái độ coi thường anh Đ nên từ đó đến nay anh và chị X sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị X ly hôn. Bản án sơ thẩm xử cho anh Đ được ly hôn chị X. Chị X kháng cáo đề nghị bác yêu cầu xin ly hôn của anh Đ. Xét kháng cáo của chị X. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm chị X trình bày chị đề nghị bác đơn ly hôn của anh Đ là vì các con, anh Đ có người phụ nữ khác. Anh Đ trình bày anh không thể về chung sống cùng chị X vì vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2012 nhưng không giải quyết được. Chị X về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 1/2018 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa anh Đ, chị X đã trầm trọng, kéo dài trong nhiều năm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bản án sơ thẩm xử cho anh Đ, chị X ly hôn là có căn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Đ, chị X có ba con chung là Hoàng Trung H, sinh ngày 12/10/2009; Hoàng Thị Bích N, sinh ngày 24/10/2010 và Hoàng Trung H1 sinh ngày 20/10/2016. Bản án sơ thẩm giao cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hoàng Trung H, sinh ngày 12/10/2009. Giao cho chị

Nguyễn Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hoàng Thị Bích N, sinh ngày 24/10/2010 và Hoàng Trung H1, sinh ngày 20/10/2016. Anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu H1 theo mức 1.000.000 đồng/01 tháng, thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng tính từ ngày 27/12/2017 cho đến ngày cháu H1 đủ 18 tuổi. Chị X kháng cáo đề nghị được nuôi cả ba con chung. Xét kháng cáo của chị X. Hội đồng xét xử thấy:

Anh Đ và chị X hiện nay đều có việc làm, có thu nhập ổn định. Bản án sơ thẩm đã căn cứ điều kiện, hoàn cảnh thu nhập của anh Đ, chị X để giao con chung, anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc, còn cháu H1, sinh năm 2016 dưới 36 tháng tuổi và giao cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu H1 1.000.000 đồng/ tháng là phù hợp và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu.

Từ nhận định phân tích trên. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị X. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị X. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điều 56, 57, điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điều 35; điều 39; điều 70; điều 71; điều 72; điều 147; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 26; khoản 5 điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn Đ và chị Nguyễn Thị X ly hôn.

Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hoàng Trung H, sinh ngày 12/10/2009. Giao cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hoàng Thị Bích N, sinh ngày 24/10/2010 và Hoàng Trung H1, sinh ngày 20/10/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Hoàng Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Trung H1 1.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 27/12/2017 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Anh Đ, chị X đều có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

Án phí: anh Hoàng Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0004128 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Anh Đ còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí.

Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0004258 ngày 05/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã T.
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền